TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **72**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28/6/2021
Về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Phước;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 107/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đ.T.K.O**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp Tây Bình B, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp G, xã L, huyện T, tỉnh An Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **T.V.C,** sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp TB, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2021 nguyên đơn chị Đ.T.K.O trình bày như sau*: Chị và anh T.V.C tự do tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 14/3/2019. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 9/2020, vợ chồng phát sinh mâu

thuẫn nguyên nhân do anh C có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, sống chung như vợ chồng, không quan tâm đến gia đình, con cái. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.V.C. Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung tên T.M.D, sinh ngày 02/12/2014 và T.M.Đ, sinh ngày 27/9/2019, hiện nay đang sống với chị. Nếu được ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu anh C cấp dưỡng 02 con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ anh C đến để tiến hành hòa giải nhưng anh C vắng mặt không có lý do và không có lời khai hay ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được quá trình hôn nhân, con cái, tài sản cũng như ý kiến của anh C đối với yêu cầu khởi kiện của chị O.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chị O được ly hôn anh C. Về con chung: Giao cháu 02 cháu T.M.D, sinh ngày 02/12/2014 và T.M.Đ, sinh ngày 27/9/2019 cho chị O được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con chung theo mức do Tòa án quyết định. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Chị O yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh C nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Chị Đ.T.K.O (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị O theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T.V.C (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị O và anh C kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 14/3/2019 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nay vợ chồng chị O và anh C phát sinh mâu thuẫn, chị O xin ly hôn nên Toà án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, chị O cho rằng anh C có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, sống chung như vợ chồng, không quan tâm đến gia đình, con cái. Tòa án đã triệu tập anh C để tham gia phiên hòa giải nhưng anh C cố tình vắng mặt và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị O thể hiện anh C không muốn hàn gắn. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Xét thấy, thời gian ly thân đã lâu, hôn nhân giữa chị O và anh C thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị O được ly hôn với anh C.

[2.2] Về con chung:

Chị O xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị có 02 con chung tên T.M.D, sinh ngày 02/12/2014 và T.M.Đ, sinh ngày 27/9/2019, hiện nay đang sinh sống với chị O. Sau ly hôn, chị O yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu D và cháu Đ hiện nay đang sống với chị O, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của 02 cháu D và cháu Chuôl, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho 02 cháu, giúp 02 cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao 02 cháu D và cháu Đ cho chị O được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị O yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật phù hợp với Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ bản là 750.000 đồng cho mỗi cháu, thực hiện từ ngày 28/6/2021 đến khi 02 cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Mức cấp dưỡng sẽ được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Anh C phải tạo điều kiện cho chị O được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị O không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa chị O và anh C có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chị O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba

trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp.

Anh C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng nuôi con chung).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ.T.K.O.

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ.T.K.O được ly hôn với anh T.V.C.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 14/3/2019 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 14/3/2019 cấp cho chị Đ.T.K.O và anh T.V.C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày 28/6/2021).

* Về con chung: Giao 02 cháu T.M.D, sinh ngày 02/12/2014 và cháu T.M.Đ, sinh ngày 27/9/2019 cho chị O được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ bản là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) đến khi cháu D đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ bản là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng được thực hiện từ ngày 28/6/2021. Mức cấp dưỡng sẽ được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa chị O và anh C có phát sinh tranh

chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

* Về án phí sơ thẩm: Chị Đ.T.K.O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008268 ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Anh T.V.C phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng nuôi con chung).

Chị O và anh C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã Vĩnh Chánh;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu VP, HS;
- TAND tỉnh An Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mai Thị Vân